**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia**

**Mã TTHC: 1.001023.000.00.00.H35**

1. **Trình tự thực hiện:**
2. Nộp hồ sơ TTHC:
* Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

+ Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các phương tiện thương mại.

+ Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

+ Sở Xây dựng địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

1. Giải quyết TTHC:
* Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
* Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.
1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

*\* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao

hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng thuê phương tiện;

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

*\* Trường hợp cấp lại khi bị hư hỏng, bị mất*

* Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu.
1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Xây dựng;

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Xây dựng.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

1. **Phí, lệ phí:** không có.

 9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính:

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại.

Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

#  Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia.

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY ĐỀ NGHỊ

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: …………………..

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .......................................................
2. Địa chỉ: ............................................................................................
3. Số điện thoại: ……………………… Số Fax/Địa chỉ email: .........
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số

……………… ngày cấp …………………………….

1. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và

Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số****TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn****hiệu** | **Số****khung** | **Số****máy** | **Màu****sơn** | **Thời gian đề nghị cấp Giấy phép** | **Cửa khẩu xuất - nhập** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát…… thay

thế phương tiện có biển kiểm soát ……………

1. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:  b) Khách du lịch:

1. Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

***Ghi chú:*** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: …………….. đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe ………………. (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ………………….. (thuộc tỉnh: Campuchia)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

……………………………………………………………………………….

Đã được …… thông báo khai thác tuyến tại công văn số ….. ngày ……

*…, ngày … tháng … năm …* **Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: …………………….

* 1. Tên tổ chức/cá nhân: .......................................................................
	2. Địa chỉ: ............................................................................................
	3. Số điện thoại: ………………………. Số Fax/Địa chỉ email: .........
	4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ……………… ngày cấp: ……………….
	5. Đề nghị ……………………………………………….. cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số****TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn****hiệu** | **Số****khung** | **Số****máy** | **Màu****sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Cửa khẩu xuất - nhập** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*…, ngày … tháng … năm …*

**Tổ chức/Cá nhân**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*